

TIỀM NĂNG VẬN DỤNG MÔ HÌNH HỌC TẬP KẾT HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

TÓM TẮT

Trần Thị Thu Hà*

Mục tiêu: Bài viết trình bày về mô hình học tập kết hợp đang ngày càng trở nên phổ biến ở các trường đại học trong nước và trên thế giới. Dựa trên lý luận và thực tiễn, bài viết chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng học tập kết hợp và phân tích tiềm năng vận dụng mô hình này tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, từ đó đề xuất giảng viên cần nhắc, ứng dụng và tổ chức giảng dạy theo mô hình này một cách phù hợp.

Phương pháp: Nghiên cứu các tài liệu liên quan đến học tập kết hợp và quan sát, điều tra thực tiễn dạy học tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, bài báo chỉ ra hiệu quả và phân tích tiềm năng vận dụng của học tập kết hợp đối với dạy học ở bậc đại học. Nó được thể hiện trên các thành phần của mô hình học tập kết hợp gồm người học, giảng viên, công nghệ, nội dung, hỗ trợ học tập và thể chế.

Kết luận: Dạy học theo mô hình học tập kết hợp phù hợp đối với việc giảng dạy ở bậc đại học nói chung, tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình nói riêng. Việc vận dụng mô hình học tập kết hợp là một biện pháp hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Từ khóa: Học tập kết hợp, Elearning, sinh viên.

POTENTIAL OF USING BLENDED LEARNING AT THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICAL AND PHARMACY

ABSTRACT

Objective: This paper discusses the blended learning which is more and more popularly employed in the classroom in universities in Vietnam and around the world. Based on theory and practice, the paper will discuss the effectiveness of using blended learning and analyzes the potential of applying blended learning at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy, from which some implications will be put forward as to its implementation.

Method: On the basis of theoretical research on blended learning and observation, investigating teaching practice at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy, the paper points out the relevance and necessity of blended learning for teaching at the university. It is expressed on the components of the blended learning including learners, instructors, technology, content, learning support and institution.

Conclusion: Blended learning is suitable for teaching at university level in general, and at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy in particular. The application of blended learning is an effective measure to improve the quality of teaching and learning.

Key words: Blended learning, Elearning, students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Do sự phổ biến của giáo dục từ xa, hầu như sinh viên đại học nào cũng đã từng tham gia ít nhất một khóa học trực tuyến. Có thể thấy nhiều ưu thế của phương pháp học tập trực tuyến so với phương pháp học tập trực tiếp như: môi trường học tập đa lựa chọn, hỗ trợ và cải thiện việc học tập dựa trên sở thích cá nhân; tạo điều kiện cho các phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm; cung cấp khả năng tiếp cận khóa học mọi lúc, mọi nơi, không phụ thuộc thời gian, địa điểm,... Mặc dù có nhiều ưu điểm nhưng cũng có nhiều thách thức đối với phương pháp học tập trực tuyến như: - Thách thức về tài nguyên như truy cập mạng hạn chế, các vấn đề về công nghệ và giám sát; - Một số môn học có thể được hỗ trợ tốt nhất thông qua học tập thực hành trực tiếp, chẳng hạn các môn y học lâm sàng,... Nhiều nghiên cứu được thực hiện để so sánh phương pháp học tập trực tuyến và phương pháp học tập trực tiếp đã chỉ ra rằng không có sự khác biệt đáng kể về hiệu quả học tập hay thái độ của sinh viên [1].

Học tập kết hợp còn được biết đến với tên gọi dạy học kết hợp hay đào tạo kết hợp (tên tiếng Anh là blended learning). “Đào tạo kết hợp là việc kết hợp phương thức học tập điện tử (e-Learning) với phương thức dạy – học truyền thống (theo đó người dạy và người học cùng có mặt) nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và chất lượng giáo

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

*Chịu trách nhiệm chính: Trần Thị Thu Hà

Email: hattt@tbump.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/05/2023

Ngày phản biện: 29/05/2023

Ngày duyệt bài: 01/06/2023

dục” [2]. Trong đó, “Học tập điện tử (e-Learning) là hình thức học tập qua đó người học có thể tự học mọi lúc, học mọi nơi thông qua các học liệu điện tử đa phương tiện. Các hình thức học tập như m-Learning, u-Learning hay smart-Learning đều là các hình thái của học tập điện tử” [2]. Học tập kết hợp là một mô hình giáo dục có hướng tiếp cận hiện đại có thể kết hợp linh hoạt hai hình thức tương tác giữa học viên - giảng viên khi học trực tuyến và khi học trực tiếp. Điều này giúp sinh viên dễ dàng học lại bài ngoài giờ. Các chủ đề có thể được tiếp cận linh hoạt, bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào. Hình thức tài liệu cũng rất đa dạng từ video, hình ảnh, sách điện tử, mô phỏng dưới dạng hoạt hình,...

Nhiều nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng so với học tập trực tiếp và học tập trực tuyến hoàn toàn, sinh viên hài lòng hơn với học tập kết hợp và hiệu quả học tập cao hơn ngay cả trong trường hợp không có đại dịch [3] [4]. Học tập kết hợp là một chiến lược học tập rất quan trọng đối với các tổ chức giáo dục đại học vì nó tích hợp hai thành phần trực tiếp và trực tuyến. Trong cách học truyền thống, đôi khi giáo viên không thể chỉ cung cấp tài liệu dưới dạng văn bản mà cần mô phỏng các khái niệm trừu tượng với sự trợ giúp của công nghệ dưới dạng đầu ra ảo nhằm giúp người học hiểu tài liệu đang được nghiên cứu [5]. Người học thích học tập kết hợp hơn học tập trực tiếp vì nó linh hoạt hơn, thuận tiện hơn, tương tác đa dạng hơn, giúp họ phát triển được nhiều kỹ năng bổ sung hơn, đáp ứng được nhiều phong cách học tập khác nhau của người học. Gần đây, công trình của Atwa H. và cộng sự (2022) [6] đã chỉ ra: sinh viên y khoa và giảng viên ủng hộ phương thức học tập trực tiếp và kết hợp. Phương thức học tập trực tuyến có thể chấp nhận được trong giảng dạy lý thuyết và trong một số bài giảng lâm sàng bao như khai thác bệnh sử và thảo luận trường hợp lâm sàng. Mặc dù, phương thức học tập trực tiếp là không thể thay thế, phương thức học tập kết hợp là một giải pháp thiết thực trong trường đại học y.

Học tập kết hợp ngày càng trở nên phổ biến trong các trường đại học ở Việt Nam. Tùy thuộc vào các nhu cầu và điều kiện của từng trường học, mô hình học tập kết hợp được tổ chức theo nhiều cách thức khác nhau. Nhằm giúp giảng viên xây dựng cho mình một mô hình giảng dạy phù hợp, cần nhắc sử dụng mô hình học tập kết hợp, xác định các yếu tố cần lưu ý khi sử dụng mô hình, bài viết được thực hiện với mục tiêu chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng học tập kết hợp và phân tích tiềm năng vận dụng mô hình này tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến học tập kết hợp được tập hợp và lựa chọn, từ đó phân tích, tổng hợp, so sánh với thực trạng dạy học tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Quá trình dạy học tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình được quan sát, điều tra dựa trên các thành phần của học tập kết hợp, bao gồm: người học, người dạy, nội dung, công nghệ, hỗ trợ học tập và thể chế.

2.1. Người học

Giống như học tập trực tiếp hay trực tuyến, người học giữ vị trí trung tâm trong dạy học kết hợp. Tuy nhiên, vai trò của người học thay đổi theo cách kết hợp mới của các yếu tố trong quá trình dạy học. Quan trọng nhất là người học thay đổi từ học thụ động sang chủ động. Đây là chìa khóa để người học tự học và tự học suốt đời.

2.2. Người dạy

Người dạy đóng vai trò mới trong mô trường học tập kết hợp. Họ đóng vai trò như người hỗ trợ, người cố vấn và người kiểm duyệt. Để thích nghi với các thành phần của học tập kết hợp người dạy phải không ngừng nâng cao nhiều kỹ năng. Họ phải chuẩn bị tài liệu để xây dựng bài giảng khoa học, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa hai hình thức học tập trực tiếp và trực tuyến. Họ phải cung cấp các phương pháp sư phạm phù hợp không chỉ cho học tập kết hợp mà còn cho người học chuẩn bị tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Họ phải có kỹ năng công nghệ thông tin, thiết kế bài giảng, quản lý người học,...

2.3. Nội dung

Nội dung đề cập đến các chủ đề và các yếu tố vật chất được sử dụng để thu hút người học vào quá trình nắm vững môn học. Các tài liệu tương tác, năng động, có sẵn trong môi trường trực tuyến tạo cơ hội cho người dạy và người học nghiên cứu nội dung trước, trong và sau khi học tập môn học. Các yếu tố người học, người dạy, công nghệ, hỗ trợ học tập và thể chế tác động đến việc lựa chọn và sử dụng nội dung.

2.4. Công nghệ

Công nghệ là một phần của học tập kết hợp, một hệ thống bao gồm các yếu tố hoạt động trong mối quan hệ mật thiết với nhau. Công nghệ đề cập đến việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật, các thiết bị nhằm mở rộng khả năng của con người. Công nghệ để học tập đòi hỏi người học và người dạy những cách thức mới để truy cập và làm việc với nội dung. Dưới tác động của công nghệ, người dạy

và người học có vai trò mới với nhiều thách thức và kết quả giá trị.

2.4. Hỗ trợ học tập

Hỗ trợ học tập tập trung vào việc giúp người học phát triển các chiến lược học tập hiệu quả, hỗ trợ kĩ thuật nhằm giúp sinh viên nâng cao kiến thức, năng lực. Hỗ trợ học tập có thể liên quan đến khắc phục sự cố công nghệ, tiếp cận tài liệu và học cách giao tiếp trực tuyến hiệu quả, cũng như tất cả các hỗ trợ thông thường khác xung quanh việc hiểu nội dung và bài tập.

2.5. Thể chế

Cũng giống như cơ sở hạ tầng công nghệ, cơ chế chính sách của cơ sở giáo dục là điều kiện quan trọng để học tập kết hợp thành công.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Mô hình học tập kết hợp

Học tập kết hợp là một hình thức tổ chức dạy học hết sức linh hoạt, sử dụng hiệu quả những tiện ích của công nghệ dựa trên những ưu điểm của phương thức học tập truyền thống và học tập trực tuyến. Các nghiên cứu trên đã chỉ ra rằng học tập kết hợp được sử dụng hiệu quả trong trường đại học. Năm 2008, Garrison D.R. và Vaughan N.D. [7] đã cung cấp cấu trúc, nguyên tắc và hướng dẫn cần thiết để sử dụng mô hình học tập kết hợp trong giáo dục đại học. Hai tác giả mô tả "Học tập kết hợp xuất hiện từ sự hiểu biết về các điểm mạnh của học tập trực tiếp và học tập trực tuyến. Nó không phải chỉ là việc nâng cao bài giảng trên lớp truyền thống mà là sự thay thế nhiều khía cạnh của học tập trực tiếp bằng trải nghiệm học tập trực tuyến phù hợp, chẳng hạn như phòng thí nghiệm, mô phỏng, hướng dẫn và đánh giá. Học tập kết hợp đại diện cho một cách tiếp cận mới: kết hợp các hoạt động trên lớp và trực tuyến phù hợp với mục tiêu của các khóa học hoặc chương trình cụ thể. Nó dựa trên sự hiểu biết đúng đắn về môi trường học tập bậc cao, đặc điểm giao tiếp, các nguyên tắc và các nguồn lực. Để triển khai học tập kết hợp, phải thiết kế lại cấu trúc, cũng như cách tổ chức dạy học, sao cho đáp ứng được ba nguyên tắc chủ yếu: 1) Tích hợp chặt chẽ giữa học tập trực tiếp và học tập trực tuyến; 2) Thiết kế lại khóa học (nội dung, tổ chức, phương pháp...) sao cho tối ưu được sự tham gia của người học; 3) Cấu trúc lại và thay thế cách liên lạc/giao tiếp truyền thống. Khi các thành phần trực tuyến và trực tiếp không được tích hợp thành một tổng thể mạch lạc, công nghệ có thể trở thành rào cản đối với sinh viên khi họ lựa chọn mức độ họ sẽ đầu tư vào mục tiêu học tập. Trong

học tập kết hợp thời gian sinh viên học trực tuyến chiếm từ 30% đến 80% thời gian của khóa học, dưới mức đó khóa học được coi là khóa học dựa trên web và trên mức đó là các khóa học trực tuyến hoặc từ xa [8]. Horn M. B. và cộng sự (2011) [9] đã đề xuất 6 mô hình học tập kết hợp bao gồm: Mô hình giáp mặt chủ đạo (The Face-To-Face Driver Model), Mô hình hoán đổi (The Rotation Model), Mô hình linh hoạt (The Flex Model), Mô hình lớp học trực tuyến (Online Lab School Model), Mô hình kết hợp tự chọn (Self-Blend Model), Mô hình trực tuyến chủ đạo (The Online Driver Model). Sau đó, hai tác giả chính là Horn M. B. và Staker H. đã hợp nhất và đơn giản hóa thành 4 mô hình học tập kết hợp [10], cụ thể:

- *Mô hình xoay vòng* (Rotation model): Quá trình dạy học được triển khai bằng cách luân phiên giữa hai mô hình học tập truyền thống và học tập trực tuyến theo một lịch trình đã được công bố. Mô hình này được phân loại thành các mô hình nhỏ: Xoay vòng trạm (Station rotation); Luân chuyển lớp học (Class rotation); Xoay vòng cá nhân (Individual rotation); Lớp học đảo ngược (Flipped classroom).

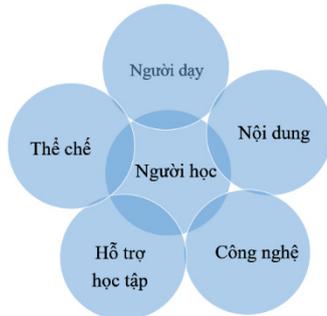
- *Mô hình linh hoạt* (Flex model): Các hoạt động học tập chủ yếu sử dụng hình thức trực tuyến. Người dạy đưa ra định hướng, hướng dẫn người học chủ động học tập theo mô hình học tập trực tuyến, giờ học trực tiếp sẽ giành để trao đổi, thảo luận và giải đáp thắc mắc.

- *Mô hình ảo phong phú* (Enriched virtual model): Hoạt động dạy học được triển khai trong phòng máy tính chuyên biệt. Người học tự lựa chọn các khóa học trực tuyến với mục đích mở rộng, nâng cao trình độ, kiến thức theo các định hướng của chương trình đào tạo của nhà trường.

- *Mô hình tự pha trộn* (A la carte model): Các hoạt động dạy học được thiết kế và triển khai một phần ở lớp học truyền thống, phần còn lại được đào tạo dựa trên các nền tảng công nghệ trực tuyến.

Lai M. , Lam K. M. và Lim C. P. (2016) [11] chỉ ra có mức độ thiết kế khóa học theo mô hình học tập kết hợp: 1) Thêm một số hoạt động trực tuyến vào khóa học đã và đang được dạy theo mô hình truyền thống trên lớp; 2) Thay thế một số hoạt động học tập trực tiếp trên lớp bằng hoạt động trực tuyến với khóa học đã có; 3) Thiết kế một khóa học mới hoàn toàn theo mô hình học tập kết hợp. Các cách tiếp cận này cung cấp một số hướng dẫn để thiết kế một khóa học học tập kết hợp tuy nhiên cách thức kết hợp các thành phần học tập trực tuyến và trực tiếp chưa được đề cập đến.

Wang Y., Han X. và Yang J. (2015) khẳng định học tập kết hợp là một hệ thống phức tạp và năng động gồm sáu yếu tố tương tác: người học, người dạy, công nghệ, nội dung, hỗ trợ học tập và thể chế (Hình 3.1).



Hình 3.1. Các thành phần của mô hình học tập kết hợp [12]

Người học ở trung tâm của mô hình học tập kết hợp, nhưng tất cả các thành phần của mô hình tác động qua lại, tích hợp với nhau.

3.2. Tiềm năng vận dụng mô hình học tập kết hợp tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Để có những cân nhắc liên quan đến việc lựa chọn mô hình học tập kết hợp, chúng tôi phân tích các điều kiện thực tế tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình có liên quan đến các yếu tố của mô hình học tập kết hợp.

3.2.1. Công nghệ

Học tập kết hợp là sự kết hợp giữa học tập trực tuyến và học tập trực tiếp. Do đó, để triển khai hiệu quả một khóa học theo hình thức học tập kết hợp, công nghệ đóng vai trò quan trọng.

Hiện tại, Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã có thể đảm bảo đủ các không gian học tập trong mô hình học tập kết hợp, bao gồm: phòng học trực tuyến, phòng học thông minh, phòng thi trắc nghiệm khách quan, bảng tương tác thông minh, hệ thống máy chiếu, âm thanh, màn hình tivi lớn, hệ thống mạng,... Bên cạnh đó, thư viện của Trường đã được cải tạo và mở rộng, hệ thống thông tin thư viện cũng được hiện đại hóa. Tài liệu, giáo trình được cập nhật, bổ sung, tăng cường biên soạn, in ấn và liên kết khai thác, sử dụng tài liệu với các cơ sở giáo dục khác ở trong và ngoài nước. Cơ sở dữ liệu về thư viện điện tử được xây dựng, tuyên truyền rộng rãi nhằm tận dụng tối đa nguồn học liệu kỹ thuật số. Nhà trường cũng tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật số đáp ứng yêu cầu về công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý điều hành, đào tạo,... Mạng nội bộ của Nhà trường gồm 03 mạng cục bộ (LAN) với 06 máy chủ, 494

máy trạm, có tường lửa kèm theo hệ thống Switch kết nối các Phòng, Khoa, Bộ môn. Hệ thống mạng kết nối internet sử dụng đường truyền Leased Line do nhà mạng Viettel cung cấp với băng thông trong nước là 200 Mbps và băng thông quốc tế là 3 Mbps.

Từ năm 2018, Nhà trường triển khai xây dựng hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến (LMS: Learning Management System) tại địa chỉ <http://elearning.tbump.edu.vn/>. Giảng viên Nhà trường được khuyến khích xây dựng thêm các nội dung trực tuyến đối với tất cả các môn học giảng dạy trong trường. Nội dung, đề cương học phần, lịch trình giảng dạy, tài liệu học tập được đưa vào hệ thống học trực tuyến ngay khi học năm học mới bắt đầu. Bên cạnh đó, các thông báo của riêng lớp học cũng được cập nhật kịp thời trên hệ thống. Điều này giúp sinh viên có thể cập nhật trước thông tin cho lớp học sắp tới ở bất kỳ nơi đâu, đồng thời tiếp cận được tài liệu học tập, từ đó chủ động hơn trong kế hoạch học tập của mình. Elearning cũng đóng vai trò là một kênh truyền thông liên lạc hiệu quả giữa giảng viên, Nhà trường với người học và giữa người học với nhau. Các câu hỏi, đề tài thảo luận, góc chia sẻ đều có thể thực hiện được trên các diễn đàn của lớp học trực tuyến. Ngoài thời gian dạy trên lớp, các giảng viên phụ trách môn học thường xuyên kiểm tra các diễn đàn và giải đáp kịp thời các câu hỏi, thắc mắc của sinh viên. Hệ thống Elearning cũng là nơi để sinh viên nhận và làm các bài kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo từng bài học (pretest), bài tập về nhà. Giảng viên đóng vai trò là người chấm điểm, nhận xét kết quả bài làm của sinh viên trực tiếp trên hệ thống. Sinh viên có thể xem ngay kết quả cùng những lời nhận xét của giảng viên để rút ra bài học kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp, kế hoạch học tập. Giảng viên thông qua đó có thể nắm được mức độ tham gia vào lớp học của từng người học, đánh giá mức độ khó dễ, phức tạp của các bài kiểm tra, khả năng tiếp thu của người học, những vấn đề người học thực sự chưa nắm vững và cần giảng lại,... từ đó đưa ra kế hoạch điều chỉnh tương ứng. Bên cạnh phần mềm Elearning, Nhà trường cũng đầu tư các phần mềm ứng dụng phục vụ cho công tác chuyên môn của từng đơn vị như phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm niên chế - tín chỉ (IU), phần mềm thi trắc nghiệm, phần mềm thư viện điện tử Vilas, phần mềm thư viện số KIPOS. Các hệ thống phần mềm này hỗ trợ giảng dạy và học tập theo phương pháp học tập kết hợp cho các khoa, các bộ môn thuộc Trường Đại học Y Dược Thái Bình nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo.

3.2.2. Giảng viên

Trường Đại học Y Dược Thái Bình có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, về học hàm có 01 giáo sư, 19 phó giáo sư. Về học vị có 47 tiến sĩ (ngoài ra còn có 30 thạc sĩ đang học nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài), 28 bác sĩ chuyên khoa cấp II, 06 bác sĩ chuyên khoa cấp I, 207 thạc sĩ. Có 06 nhà giáo nhân dân, 07 nhà giáo ưu tú, 02 thầy thuốc nhân dân, 16 thầy thuốc ưu tú, 24 giảng viên cao cấp, 103 giảng viên chính. Ngoài ra, trường còn có 335 giảng viên là các cán bộ có trình độ, có tay nghề cao tại các Trường đại học, các Viện nghiên cứu và các cơ sở thực hành tuyến trung ương và các tỉnh. Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học đạt 90,32%. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông là 61,4%, còn lại là những giảng viên đạt trình độ tin học căn bản (trình độ B hoặc C). Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức cho giảng viên các lớp tập huấn về phương pháp giảng dạy tích cực, về sử dụng thiết bị dạy học, về nhiệm vụ tự đánh giá trong kiểm định chương trình đào tạo,... nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Trong thời gian đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, trường học phải đóng cửa để đảm bảo an toàn, Nhà trường đã áp dụng phương thức đào tạo trực tuyến để tiếp tục tổ chức dạy học trong thời gian sinh viên phải nghỉ không đến trường. Để thực hiện được điều này, Nhà trường đã có kế hoạch hướng dẫn giảng viên sử dụng các phương pháp giảng dạy trực tuyến, tập huấn sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến cho giảng viên, sinh viên. Nhà trường khuyến khích sử dụng phần mềm Microsoft TEAMS nằm trong gói Office 365 A1 được Microsoft Việt Nam cung cấp (miễn phí) để tổ chức và quản lý dạy học trực tuyến. Ban đầu, giảng viên gặp một số khó khăn trong dạy học trực tuyến (chưa quen với phương thức dạy học mới, chưa đồng bộ về cơ sở vật chất,...) nhưng những khó khăn này đã dần được tháo gỡ, thích nghi. Sinh viên và giảng viên thấy dạy học trực tuyến là phù hợp với điều kiện phải giãn cách xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh việc giảng dạy bằng hình thức trực tuyến, cuối mỗi học phần, module, Nhà trường bố trí thời gian để giảng viên lên lớp trực tiếp hệ thống hóa kiến thức và giải thích các thắc mắc của sinh viên, đồng thời tổ chức kiểm tra, thi trực tiếp tại Trường.

Như vậy, việc tổ chức giảng dạy tại Trường đã từng bước tiếp cận theo mô hình học tập kết hợp. Giảng viên là một phần quan trọng của học tập kết

hợp – giảng viên có chuyên môn về chủ đề giảng dạy, có kỹ năng công nghệ cơ bản, cùng với các phương pháp sư phạm mới là yếu tố quyết định thành công của học tập kết hợp.

3.2.3. Sinh viên

Sinh viên Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2022-2023 gồm là 5801 sinh viên (số liệu thống kê tháng 1/2023) thuộc 7 chuyên ngành đào tạo: Y khoa, Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Y tế công cộng, Dược học, Cử nhân điều dưỡng, Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học. Trong năm học này, Trường tổ chức đào tạo theo 02 chương trình: 1) Chương trình đổi mới (HPET) dành cho sinh viên ngành Y khoa năm 1-5; 2) Đào tạo theo hình thức tín chỉ cho sinh viên ngành Y khoa năm 6 và tất cả các ngành còn lại. Bắt đầu từ năm 2022, thay vì chỉ sử dụng duy nhất tổ hợp B00 (Toán, Hóa, Sinh) để tuyển sinh các chuyên ngành Y và tổ hợp A00 (Toán, Lý, Hóa) để tuyển sinh chuyên ngành Dược học, Trường bổ sung nhiều tổ hợp mới, gồm D07 (Toán, Hóa, Anh), D08 (Toán, Sinh, Anh), A01 (Toán, Lý, Anh). Ngoài xét tuyển trên kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông, Trường còn sử dụng phương thức khác như tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển hay dự kiến sử dụng kết quả kì thi đánh giá năng lực, tư duy do các đại học, trường đại học khác tổ chức,...Số lượng lớn sinh viên trong Trường cùng với nhiều sự khác biệt dẫn tới việc giảng dạy cũng như quản lý lớp học gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt trong vấn đề đáp ứng các nhu cầu học tập của những sinh viên có sở thích, phong cách, năng lực, kinh nghiệm, trải nghiệm học tập,...khác nhau. Trong trường hợp này, học tập kết hợp là một giải pháp giúp giảm bớt gánh nặng cho giảng viên. Học tập kết hợp giúp sinh viên phát triển các phong cách học tập cá nhân và giúp giảng viên kiểm soát những gì sinh viên làm bên ngoài lớp học.

Mặt khác, ngay từ năm đầu tiên, sinh viên Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã được học học phần Tin học, được đào tạo các kỹ năng soạn thảo văn bản, tính toán bảng tính và phân tích xử lý số liệu. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động học tập của sinh viên đã không còn xa lạ. Nghiên cứu cho thấy sinh viên có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong đạt mức thành thạo chiếm 61,4%. Sinh viên thường xuyên đọc sách/giáo trình điện tử (47,9% sử dụng ở mức độ hàng ngày), trao đổi học tập với bạn bè qua điện thoại, email, diễn đàn (35,2% sử dụng ở mức độ hàng ngày), tìm kiếm tài liệu học tập trên internet (34,5% sử dụng ở mức độ hàng ngày),...[13]. Cùng

với chương trình đổi mới (HPET), phương pháp dạy-học lấy sinh viên làm trung tâm được thực hiện trong toàn trường nhằm phát huy tối đa khả năng tư duy, suy nghĩ độc lập, tổng hợp kiến thức, giải quyết vấn đề, thực hành thành thạo các kĩ năng như quan sát, làm việc nhóm, ra quyết định, giao tiếp với bệnh nhân, đồng nghiệp và cộng đồng, tiến tới khả năng tự học suốt đời.

Sinh viên với khả năng sử dụng công nghệ, khả năng tự học hoàn toàn có thể đóng vai trò chủ thể trong quá trình học tập, đáp ứng yêu cầu lấy người học làm trung tâm, có thể cá nhân hóa và dễ tiếp cận của học tập kết hợp.

3.2.4. Nội dung

Việc thiết kế giảng dạy theo hình thức học tập trực tiếp hay trực tuyến bị ảnh hưởng bởi nội dung giảng dạy. Nội dung đề cập đến các chủ đề, các yếu tố được sử dụng để thu hút người học vào quá trình học tập. Các tài liệu tương tác, có sẵn trên các phương tiện truyền thông trực tuyến tạo cơ hội cho giảng viên và sinh viên tiếp cận nội dung trước, trong và sau khi trải nghiệm môn học.

Đối với sinh viên y khoa, khối lượng kiến thức cần thu nhận và ghi nhớ rất lớn, kiến thức của năm học này là nền tảng cho kiến thức học trong các năm tiếp theo. Hơn nữa sinh viên y khoa không chỉ cần nhớ kiến thức mà còn phải liên tục cập nhật những kiến thức, những nghiên cứu mới để theo kịp và xâu chuỗi với những kiến thức đã học. Để học tập tốt, sinh viên không những phải biết quản lí thời gian mà còn cần có những phương pháp học mới.

Hiện nay, Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã xác định mục tiêu là trường đại học đào tạo theo định hướng ứng dụng. Với định hướng ứng dụng, không thể thay thế hoàn toàn giáo dục y khoa truyền thống bằng học tập trực tuyến. Tuy nhiên, với công nghệ, một số môn học thực hành trực tiếp có thể được hỗ trợ tốt nhất, chẳng hạn mô phỏng các phòng thí nghiệm khoa học trực tuyến hoặc trình chiếu video, hội nghị truyền hình với sinh viên. Các hoạt động học tập trong không gian trực tuyến và trực tiếp bổ sung kiến thức cho chủ đề đang dạy. Mặt khác, theo Cẩm nang MSD: Kiến thức Y khoa toàn cầu (Truy cập [Cẩm nang MSD - Phiên bản dành cho chuyên gia \(msdmanuals.com\)](https://msdmanuals.com) ngày 10/5/2023), những phương pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng học tập của sinh viên lâm sàng là lặp đi lặp lại, thực hành xen kẽ, kiểm tra thường xuyên, học tập theo ngữ cảnh và hành vi. Điều này có thể thực hiện được trong khuôn khổ của mô hình học tập kết hợp sử dụng công nghệ học tập điện tử.

3.2.5. Thẻ chế

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, còn phải kể đến tác động từ những quan điểm, chủ trương, chính sách của Nhà nước và của Nhà trường với việc thúc đẩy đào tạo kết hợp.

Đầu tiên, dạy học trực tuyến ở bậc đại học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức cho phép sử dụng trong các nhà trường, không chỉ thực hiện trong thời gian giãn cách xã hội và có thể chiếm tới đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo [14]. Hơn nữa, Chính phủ đã đưa ra mục tiêu đến năm 2025: “đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học” [15].

Tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình, dạy học trực tuyến cũng được quy định cụ thể tại Điều 8. Tổ chức giảng dạy và học tập trong Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình [16]. Một trong các mục tiêu chuyển đổi số của Trường giai đoạn 2022-2025 là “đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, giúp kết hợp học trên lớp và học trực tuyến)” [16]. “Nâng tỉ lệ bộ môn có ứng dụng công nghệ e-learning lên 90-100% vào năm 2025. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lí cán bộ, hành chính, đào tạo, tài chính, thư viện và bệnh viện Trường” [18]. Bên cạnh đó, hoạt động tự học của sinh viên được quy định cụ thể trong quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường: “Để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân» [19]. Đây là cơ sở của việc triển khai dạy học theo mô hình học tập kết hợp, sinh viên phải tìm hiểu bài học, chủ động khai thác nguồn thông tin và tài liệu phục vụ cho các hoạt động học tập.

3.2.6. Hỗ trợ học tập

Điểm mạnh của học tập kết hợp so với mô hình học tập truyền thống là giúp cá nhân hóa việc học tập, trao cho người học khả năng làm chủ quá trình học tập của chính mình. Do đó, một hệ thống hỗ trợ học tập nên được phát triển để cung cấp cho người học sự trợ giúp cần thiết bất cứ khi nào họ cần.

Hiện tại, Trường Đại học Y Dược Thái Bình có tổng cộng 515 cán bộ viên chức. Trong đó, có 16 cán bộ viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin (chiếm 3,11% số lượng viên chức toàn trường), có 452 cán bộ viên chức có chứng chỉ tin học văn phòng căn bản (chiếm 90,6% số lượng viên chức

toàn trường) [17]. Nhà trường đã thành lập Đơn vị Thư viện và Trung tâm công nghệ thông tin với 03 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, thực hiện về quản lí công nghệ thông tin của toàn trường (quản trị về hệ thống các phần mềm, hệ thống máy chủ, mạng,...), đảm bảo việc vận hành, ứng dụng công nghệ thông tin được thông suốt và hiệu quả. Bên cạnh đó, một số cán bộ chuyên ngành công nghệ thông tin hiện biên chế tại các đơn vị như Bộ môn Toán Tin, Phòng Vật tư và trang thiết bị, Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục và khảo thí, Phòng Quản lý đào tạo đại học cũng góp phần đảm bảo hoạt động công nghệ thông tin trong Nhà trường được triển khai có hiệu quả.

Mặt khác, công tác quản lí, vận hành, triển khai các chương trình đào tạo của Nhà trường như: xây dựng lịch giảng, quản lí sinh viên, cố vấn học tập, trợ giảng,... được thực hiện bài bản, quy củ góp phần quan trọng trong việc triển khai các chương trình đào tạo theo mô hình học tập kết hợp.

IV. BÀN LUẬN

Dựa trên những nghiên cứu ở trên, có thể khẳng định học tập kết hợp là mô hình dạy học có hiệu quả trong trường đại học. Việc kết hợp linh hoạt giữa dạy học trực tuyến và dạy học truyền thống sẽ giúp cá nhân hóa việc học, giúp người học làm chủ kiến thức, hướng tới học tập suốt đời. Học tập kết hợp cũng giúp các trường giảm chi phí cho nguồn nhân lực, giảm bớt số lượng phòng học, không gian trực tiếp có thể bị thu hẹp nhưng môi trường học tập lại được mở rộng không khoảng cách và không giới hạn thời gian. Việc quản lí, cung cấp tài liệu tham khảo, hướng dẫn hoặc bài tập, kiểm tra, đánh giá, gửi kết quả học tập, thông báo sự kiện tới sinh viên được thực hiện qua một hệ thống quản lí đào tạo trực tuyến giúp giảm thiểu tối đa các công việc cơ học tương ứng và giúp sinh viên phản hồi nhanh, kịp thời về các vấn đề của mình. Các giảng viên cung cấp bài giảng trực tuyến cho tất cả các sinh viên của khóa học. Khối lượng công việc của giảng viên được giảm đi rõ rệt bằng cách chỉ trình bày một lần thay vì phải trình bày nhiều lần cho nhiều lớp học khác nhau. Các hoạt động học tập được duy trì trong không gian làm việc cộng tác trực tuyến,...

Hơn nữa, các điều kiện về công nghệ, người dạy, người học, tổ chức và thể chế chỉ rõ tiềm năng áp dụng học tập kết hợp tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Như các trường đại học khác, Nhà trường đã có những văn bản khuyến khích, tổ chức các lớp tập huấn về đổi mới giảng dạy theo xu hướng tiếp cận, sử dụng các công nghệ hiện đại. Một số giảng viên của Trường đã có những

nghiên cứu và tiếp cận giảng dạy theo mô hình học tập kết hợp ở các mức độ khác nhau (thường ở mức độ 1 hoặc mức độ 2). Tuy nhiên, việc triển khai học tập kết hợp tại Trường vẫn ở mức độ hạn chế. Nhà trường chưa có các chính sách đồng bộ để khuyến khích triển khai học tập kết hợp.

Để có thể triển khai mô hình học tập kết hợp một cách linh hoạt, việc đầu tiên là nên khuyến khích các giảng viên ở các bộ môn cùng thiết kế và xây dựng những nội dung dạy học kết hợp ở cấp độ 1 và cấp độ 2 sau đó chuyển dần sang mức độ 3.

Đối với mô hình học tập kết hợp ở cấp độ 1 (Thêm một số hoạt động trực tuyến vào khóa học đã và đang được dạy theo mô hình truyền thống trên lớp), giảng viên có thể yêu cầu sinh viên nghiên cứu tài liệu, làm bài tập, nộp bài tập, hoạt động nhóm, thảo luận,... qua hệ thống Elearning, blog/ website cá nhân, qua thư điện tử, dịch vụ Dropbox hoặc các xã hội như Zalo, Facebook...

Ở mức độ cao hơn, giảng viên có thể yêu cầu sinh viên cùng nhau chuẩn bị các bài tập lớn, các dự án, các case study hay một nhiệm vụ học tập nào đó bằng cách sử dụng dịch vụ chia sẻ file, tạo bài trình chiếu,... Giảng viên cũng có thể sử dụng một số dịch vụ tạo môi trường dạy học như Paddlet, Google Classroom, ... để thay thế các giờ thảo luận, hướng dẫn bài tập,... bằng hình thức trực tuyến. Ngoài ra, căn cứ vào nội dung học tập, giảng viên có thể lựa chọn, biên tập hoặc tự xây dựng bài giảng, xây dựng các clip, video minh họa cho bài giảng và yêu cầu sinh viên nghiên cứu trước tại nhà. Sinh viên phải trả lời các câu hỏi, làm bài tập hoặc thực hiện các nhiệm vụ học tập của giảng viên. Ở trên lớp (hoặc phòng máy), giảng viên sẽ tổng kết, chữa bài tập và giải đáp các thắc mắc bổ sung, đồng thời có thể mở rộng, yêu cầu sinh viên vận dụng ở mức cao hơn. Khi đó, giảng viên đã sử dụng *mô hình linh hoạt* (flex model) của học tập kết hợp hay đã vận dụng linh hoạt hình thức lớp học đảo ngược (flipped classroom) dạy học.

Ở cấp độ 3, các giảng viên trong bộ môn cần xem xét lại toàn bộ nội dung và chương trình môn học để có kế hoạch sắp xếp, thiết kế, xây dựng tài nguyên học tập, không gian học tập và các nhiệm vụ học tập tương ứng với các hình thức trực tiếp và trực tuyến. Những nội dung giảng giải lí thuyết có thể thay bằng các tài liệu trực quan, sinh động để sinh viên tự học, tự nghiên cứu. Những gợi ý, trợ giúp, hướng dẫn cần tường minh, rõ ràng để sinh viên có thể tự lực thực hiện được hoặc biết cách tìm kiếm gợi ý, trợ giúp từ môi trường trực tuyến. Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ học tập trực tuyến và trực tiếp, việc xây dựng không gian học

tập có tính tương tác cao, như tạo điều kiện cho sinh viên thảo luận, cùng xây dựng nội dung, kế hoạch thực hiện, đánh giá và góp ý cho nhau, cùng với sự trợ giúp của giảng viên có vai trò quan trọng.

V. KẾT LUẬN

Từ các tài liệu đã đề cập, có thể kết luận rằng học tập kết hợp được sử dụng hiệu quả ở bậc đại học. Ngoài ra, bối cảnh dạy học ở Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã được phân tích và chỉ rõ tiềm năng để triển khai học tập kết hợp. Bên cạnh các nguồn lực, các chính sách, sự chủ động và nhiệt huyết, tinh thần luôn nghiên cứu, tìm tòi và đổi mới của người giảng viên đóng vai trò rất quan trọng. Bằng sự quyết tâm và hướng tới đối tượng người học, giảng viên sẽ mang lại cho người học không chỉ sự trợ giúp cần thiết, mà còn sự nhiệt huyết và đam mê, lôi cuốn người học tích cực trải nghiệm và khám phá. Đó chính là chìa khóa dẫn đến sự thành công của học tập kết hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sommer B., Acredolo C., Maher M. W. and Matthews H. R. UJ (2003).** A Study Comparing Traditional and Hybrid Internet-Based Instruction in Introductory Statistics Classes. *Journal of Statistics Education*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016).** Thông tư Quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng. Số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 4 năm 2016.
- Bhadri G. and Patil L. (2022).** Blended Learning: An effective approach for Online Teaching and Learning. *Journal of Engineering Education Transformations*. 35(S1):53-60.
- Liu Q. et al (2016).** The effectiveness of blended learning in Health professionals: Systematic review and meta-analysis. *J Med Internet Res*. 18:E2
- Cobcroft R., Towers S., Smith J. and Bruns A (2006).** Mobile learning in review: Opportunities and challenges for learners, teachers, and institutions. In: *Proceedings of Online Learning and Teaching (OLT) Conference*, 26 September 2006, Queensland University of Technology, Brisbane. 21-30.
- Atwa H. et al (2022).** Online, Face-to-Face, or Blended Learning? Faculty and Medical Students' Perceptions During the COVID-19 Pandemic: A Mixed-Method Study. *Front Med (Lausanne)*.
- Garrison D.R. and Vaughan N.D. (2008).** *Blended Learning in Higher Education - Framework, Principles, and Guidelines*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.
- Allen I. and Seaman J. (2010).** *Class Differences: Online Education in the United States*. Needham, MA: The Sloan Consortium, 1-26; http://sloanconsortium.org/publications/survey/class_differences
- Horn M. B., Staker H., Hernandez A., Hasel B. and Ableidinger J. (2011).** The rise of K-12 blended learning. *Innosight institute*. <http://www.christenseninstitute.org/wpcontent/uploads/2013/04/The-rise-of-K12-blended-learning.pdf>
- Horn M. B. and Staker H. (2014).** *Blended: Using Disruptive Innovation to Improve Schools*. John Wiley & Sons.
- Lai M., Lam K. M. and Lim C. P. (2016).** Design principles for the blend in blended learning: A collective case study. *Teaching in Higher Education*. 21:6:716-729.
- Wang Y., Han X. and Yang J. (2015).** Revisiting the blended learning literature: Using a complex adaptive systems framework. *Journal of Educational Technology & Society*. (18(2)):380-393.
- Trần Thị Thu Hà (2021).** Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động học tập của sinh viên ngành Y khoa trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2021. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở Trường Đại học Y Dược Thái Bình.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021).** Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021.
- Thủ tướng chính phủ (2022).** Quyết định phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030". Số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022.
- Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2021).** Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Ban hành kèm theo Quyết định số 1084/QĐ-YDTB ngày 16/8/2021.
- Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2022).** Nghị quyết phê duyệt dự án chuyển đổi số của Trường Đại học Y Dược Thái Bình giai đoạn 2022-2025. Số 33/HĐTYDTB ngày 18/5/2022.
- Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2021).** Nghị quyết phê duyệt kế hoạch phát triển 5 năm của Trường Đại học Y Dược Thái Bình giai đoạn 2021-2026. Số 15/HĐTYDTB ngày 29/7/2021.
- Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2017).** Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình. Ban hành kèm theo Quyết định số 1001/QĐ-YDTB ngày 22/8/2017.